

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH HÀ
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 07-5-2020

V/v “Ly hôn, tranh chấp nuôi con
khi ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH HÀ, TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Mạc Duy Phú

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Bùi Văn Khởi

2. Ông Lê Công Nhận

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Hồng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Hà;

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Hà tham gia phiên tòa: Ông Vũ Văn Tiến - Kiểm sát viên

Ngày 07 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Hà xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 23/2020/TLST - HNGĐ ngày 11/2/2020 về việc “*Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 11/2020/QĐXXST - HNGĐ ngày 25/3/2020; Quyết định hoãn phiên tòa số 04/2020/QĐST-HNGĐ ngày 14 tháng 4 năm 2020 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Phạm Thị V, sinh năm 1991

Địa chỉ: Thôn T, xã V, huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương, vắng mặt;

2. *Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn C, sinh năm 1984

Địa chỉ: Thôn B, xã Q, huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương, vắng mặt;

3. *Người làm chứng:*

3.1. Bà Hoàng Thị V1, sinh năm 1955; Địa chỉ: Thôn B, xã Q, huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương, vắng mặt;

3.2. Ông Phạm Huy C1, sinh năm 1962; Địa chỉ: t , xã Vĩnh Lập, huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương, vắng mặt;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Phạm Thị V trình bày: Chị và anh Nguyễn Văn C đăng ký kết hôn ngày 07/12/2012 tại Ủy ban nhân dân xã Hợp Đức (nay là xã Thanh Quang), huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, được gia đình hai bên tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán địa phương. Sau ngày cưới vợ chồng chung sống với gia đình nhà anh C từ khi kết hôn cho đến khi ly thân. Năm 2015, phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do làm ăn thua lỗ, anh C không chịu lao động, sa đà vào các tệ nạn xã hội, lô đề, nghiện ma túy, một mình chị phải nuôi cả nhà. Chị có khuyên bảo anh C, anh C không nghe còn chửi bới, đánh đập, xúc phạm chị. Năm 2019, anh C bị xét xử về tội tàng trữ trái phép chất ma túy. Trong thời gian chấp hành án, chị có nên thăm nhưng hai người vẫn cãi nhau. Thậm chí, anh C còn tát chị. Chị đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở từ năm 2019 cho đến nay. Hai người sống ly thân không ai quan tâm đến ai. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh C.

Chị và anh C có hai con chung là Nguyễn Đức Mạnh, sinh ngày 19/3/2013; Nguyễn Đức Huy, sinh ngày 18/7/2015. Hiện nay, hai con đang ở với anh C và ông bà nội. Do hai con ở với anh C thời gian dài, được ông bà nội chăm sóc rất tốt, nguyện vọng của anh C xin được nuôi cả hai con, các con có nguyện vọng xin được ở với bố nên chị đồng ý để anh C nuôi cả hai con.

Chị xác định vợ chồng không có tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp với gia đình hai bên.

Tại Biên bản ghi lời khai đương sự ngày 14/02/2020 và trong quá trình giải quyết vụ án, anh Nguyễn Văn C xác định: Về thời gian, điều kiện kết hôn như chị V trình bày là đúng. Đến đầu năm 2019, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn không xác định được. Ngày 12/01/2019, anh bị Tòa án nhân dân huyện Thanh Hà xét xử và xử phạt 12 tháng tù về tội tàng trữ trái phép chất ma túy. Trong thời gian anh chấp hành hình phạt tù, chị V bỏ nhà đi, không quan tâm đến anh và con cái. Các con anh do bố và em trai anh chăm sóc nuôi dưỡng. Vợ chồng sống ly thân từ đó, không ai quan tâm đến ai. Nay chị V xin ly hôn, anh không đồng ý vì con cái còn nhỏ, anh muốn chị V ở lại để chăm sóc con cái. Nếu chị V kiên quyết xin ly hôn thì chị V tự giải quyết một vế. Anh xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn nhưng không có biện pháp gì để cải thiện mối quan hệ vợ chồng.

Anh có hai con như chị V trình bày là đúng. Nếu phải ly hôn, anh đề nghị nuôi cả hai con, tự nguyện không yêu cầu chị V phải cấp dưỡng tiền nuôi chung cùng với anh. Lý do, anh đề nghị nuôi con là vì không muốn các con học theo tính cách của mẹ. Chị V đã làm đơn ly hôn, đã dứt áo ra đi, bỏ rơi con cái sẽ không có bất cứ quyền lợi gì với con. Hiện nay, anh đang ở với bố mẹ đẻ anh, chỗ ăn ở rộng rãi. Bố mẹ anh hỗ trợ anh trong việc nuôi dạy các con. Anh đang

làm nghề lái tàu sông thu nhập 9-10.000.000 đồng/tháng. Việc lái tàu sông là của gia đình, anh không thể xuất trình được chứng cứ về mức thu nhập.

Anh xác định vợ chồng không có tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp với gia đình hai bên.

Tại biên bản ghi lời khai người làm chứng, ông Phạm Huy Chí trình bày:

Ông là bố đẻ chị V. Trước khi kết hôn, chị V có đưa anh C về chơi, anh C đã tỏ thái độ bất C đời. Gia đình có khuyên chị V suy nghĩ lại nhưng chị V kiên quyết kết hôn, gia đình đồng ý, không cấm đoán. Sau khi kết hôn, anh C không tôn trọng gia đình vợ. Thường xuyên cãi nhau trước mặt bố mẹ vợ. Trước khi anh C phạm tội, ông có nghi ngờ anh C nghiện ma túy nhưng không có căn cứ. Chỉ đến khi anh C bị bắt ông mới biết. Chị V lúc đó muốn ly hôn nhưng ông khuyên giải lại thôi. Khi anh C chấp hành án xong, tình cảm vợ chồng không được cải thiện, thường xuyên cãi nhau, có lần anh C còn đánh và đập điện thoại của chị V, đe dọa chị V không cho chị V đến thăm con. Hai người đã sống ly thân từ năm 2019, không ai quan tâm đến ai. Nay chị V xi ly hôn anh C, ông mong muốn Tòa án giải quyết theo nguyện vọng của chị V để chị V sớm ổn định cuộc sống. Các vấn đề khác như chị V trình bày là đúng. Ông đề nghị Tòa án giải quyết vụ án vắng mặt ông.

Tại biên bản ghi lời khai người làm chứng, bà Hoàng Thị Vóc trình bày:

Bà là mẹ đẻ anh C. Sau khi cưới, anh C, chị V sống với gia đình bà. Quá trình chung sống, anh chị có mâu thuẫn gì không, bà không biết. Sau khi anh C đi chấp hành án, chị V bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở để lại hai con cho vợ chồng bà chăm sóc, không có trách nhiệm gì với con. Khi anh C chấp hành án xong, chị V không về chung sống với anh C. Nay chị V xin ly hôn anh C, bà mong muốn chị V về đoàn tụ để nuôi dạy hai con. Nếu chị V kiên quyết ly hôn, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, các đương sự vắng mặt, Hội đồng xét xử công bố lời khai của nguyên đơn, bị đơn, người làm chứng và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Hà phát biểu ý kiến:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, nguyên đơn kể từ khi thụ lý vụ án cho đến khi Hội đồng xét xử nghị án đều đúng quy định của pháp luật. Bị đơn không chấp hành quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị áp dụng Điều 56, Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147, Điều 227, 228, 229 Bộ luật tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí 2015, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử: Chị Phạm Thị V ly hôn với anh Nguyễn Văn C; Giao hai con chung cho anh C nuôi dưỡng, chị V có quyền, nghĩa vụ thăm

nom con chung không ai được cản trở. Chị V phải nộp 300.000 đồng án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Chị V có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Anh C đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai vắng mặt không lý do. Căn cứ vào điểm a,b khoản 2 Điều 227, khoản 1,3 Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị V và anh C có đăng ký kết hôn ngày 07/12/2012 tại Ủy ban nhân dân xã Hợp Đức (nay là xã Thanh Quang), huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với Luật hôn nhân gia đình là hôn nhân hợp pháp.

Bản thân chị V, anh C đều xác nhận quan hệ vợ chồng đã phát sinh mâu thuẫn. Nhưng anh C không xác định được nguyên nhân mâu thuẫn do đâu và không đồng ý ly hôn. Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ, Hội đồng xét xử có cơ sở xác định nguyên nhân mâu thuẫn là do anh C mãi chơi, không chịu lao động, sa đà vào con đường nghiện ma túy, thiếu trách nhiệm với gia đình. Hai vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2019 cho đến nay, không ai quan tâm đến ai. Mặc dù, thời gian sống ly thân không dài nhưng cũng đủ để hai vợ chồng suy nghĩ và hàn gắn quan hệ vợ chồng nhưng anh C không có biện pháp gì để cải thiện mối quan hệ vợ chồng. Lý do anh C không đồng ý ly hôn chỉ vì muốn chị V ở lại chăm con là không hợp lý.

Điều đó chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng giữa chị V với anh C đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và Gia đình giải quyết cho chị V ly hôn với anh C là phù hợp pháp luật.

[2] Về quan hệ con chung:

Anh C đề nghị được nuôi cả hai con, tự nguyện không yêu cầu chị V cấp dưỡng tiền nuôi con. Chị V đồng ý. Sự thỏa thuận của anh C, chị V không trái pháp luật, đạo đức xã hội, phù hợp với nguyện vọng của của con chung được ghi nhận.

[3] Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp đối với gia đình hai bên: Các đương sự xác định không có, không yêu cầu giải quyết, nên không xét.

[4] Về án phí: Chị V phải nộp án phí sơ thẩm ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81,82,83 Luật hôn nhân và Gia đình; Điều 147, điểm a,b khoản 2 Điều 227, khoản 1,3 Điều 228, Điều 238, Điều 266, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị V ly hôn anh Nguyễn Văn C.
2. Về quan hệ con chung: Giao hai con chung Nguyễn Đức Mạnh, sinh ngày 19/3/ 2013; Nguyễn Đức Huy, sinh ngày 18/ 7/2015 cho anh C tiếp tục nuôi dưỡng. Anh C tự nguyện không yêu cầu chị V phải cấp dưỡng tiền nuôi con. Chị V có quyền, nghĩa vụ thăm nom con không ai được cản trở.
3. Về án phí: Chị V phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) án phí sơ thẩm ly hôn, được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2017/0008957 ngày 11 tháng 2 năm 2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương. Chị V đã nộp đủ án phí sơ thẩm ly hôn.
4. Quyền kháng cáo: Chị V, anh C được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Các đ-ơng sự,
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Hà,
- Chi cục Thi hành án huyện Thanh Hà;
- Ủy ban nhân dân xã Thanh Quang, huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương
- L- u hồ sơ,
- Lưu tòa.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Mạc Duy Phú